

MÔN ĐỊA LÍ 10

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tỉ lệ % điểm
			TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng - sai			TNKQ trả lời ngắn			Tự luận			
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Môn Địa lí với định hướng nghề nghiệp Chương 1: Sử dụng bản đồ (1.5 điểm)	Nhận biết Nêu được đặc điểm cơ bản của môn Địa lí. Thông hiểu – Phân biệt được một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ: kí hiệu, đường chuyển động, chấm điểm, khoanh vùng, bản đồ - biểu đồ. – Xác định được một số ứng dụng của GPS và bản đồ số trong đời sống. Vận dụng - Xác định được những ngành nghề có liên quan đến kiến thức địa lí. - Sử dụng được một số ứng dụng của GPS và BĐ số trong đời sống.	1			2	1	1		1					15,0
2	Chương 2: Trái Đất (4.0 điểm)	Nhận biết – Trình bày được nguồn gốc hình thành TĐ. – Trình bày được đặc điểm của vỏ Trái Đất, các vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất. – Trình bày được khái quát thuyết KT mảng. Thông hiểu Phân tích được hệ quả địa lí của các chuyển động chính của Trái Đất: + Chuyển động tự quay: sự luân phiên ngày đêm, giờ trên Trái Đất; + Chuyển động quanh Mặt Trời: các mùa trong năm, ngày đêm dài ngắn theo vĩ độ. Vận dụng	4	2						1	1			1**	40.0

		– Phân tích hình vẽ, lược đồ để thấy được các hệ quả chuyển động của Trái Đất. – Liên hệ được thực tế địa phương về các mùa trong năm và chênh lệch thời gian ngày đêm.													
3	Chương 3: Thạch quyển (3.0 điểm)	Nhận biết – Nêu được KN thạch quyển – Nêu được khái niệm nội lực, ngoại lực. Thông hiểu – Phân biệt được thạch quyển với vỏ Trái Đất. – Trình bày được nguyên nhân hình thành nội lực và ngoại lực. – Trình bày tác động của nội lực, ngoại lực đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất. Vận dụng – Phân tích được sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh về tác động của nội lực, ngoại lực đến địa hình bề mặt TĐ. – Vận dụng thuyết kiến tạo mảng để giải thích được nguyên nhân hình thành các vùng núi trẻ, các vành đai động đất, núi lửa. – Nhận xét và giải thích được sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa trên bản đồ.	3	1		2	1	1				1**		30.0	
	Chương IV: Khí quyển (1,5 điểm)	Nhận biết – Nêu được khái niệm khí quyển. – Trình bày được sự phân bố nhiệt độ không khí trên TĐ theo vĩ độ địa lí; lục địa, đại dương; địa hình. Thông hiểu Vận dụng – Phân tích được bảng số liệu, hình vẽ, lược đồ về một số yếu tố của khí quyển (nhiệt độ).	4		1					1				15.0	
Tổng số lệnh hỏi			12	3	1	4	2	2	0	3	1	0	1	1	100%
Tổng số điểm			3.0	0.75	0.25	1.0	0,5	0.5		0.75	0.25		1.0	2.0	
Tỉ lệ %			40%			20%			10%			30%			

MÔN ĐỊA LÍ 11

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tỉ lệ % điểm
			TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng - sai			TNKQ trả lời ngắn			Tự luận			
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế – xã hội của các nhóm nước (1.0 điểm)	Thông hiểu – Trình bày được sự khác biệt về kt và một số khía cạnh xh của các nhóm nước. – Phân biệt được các nước trên thế giới theo trình độ phát triển kinh tế: nước phát triển và nước đang phát triển với các chỉ tiêu về thu nhập bình quân (tính theo GNI/người); cơ cấu kinh tế và chỉ số phát triển con người. Vận dụng – Phân tích được bảng số liệu về kinh tế - xã hội của các nhóm nước.		2						1	1				10,0
2	Toàn cầu hoá, khu vực hoá kinh tế (1,5 điểm)	Nhận biết – Trình bày được các biểu hiện của toàn cầu hoá KT. – Trình bày được các biểu hiện của khu vực hoá kinh tế. Thông hiểu – Trình bày được hệ quả của toàn cầu hoá kinh tế. – Trình bày được các hệ quả của khu vực hoá kinh tế. - Phân tích được ảnh hưởng của toàn cầu hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới. - Phân tích được ý nghĩa của khu vực hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới. Vận dụng – Trình bày được cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá, khu vực hoá đối với các nước đang phát triển.	2			2	1	1							15.0
3	Một số tổ chức quốc	Nhận biết – Trình bày được một số tổ chức khu vực và quốc tế: Liên hợp quốc (UN), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Tổ	5		1	2	1	1							25.0

	tế và khu vực An ninh toàn cầu (2.5 điểm)	chức Thương mại Thế giới (WTO), Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC). Thông hiểu – Nêu được một số vấn đề an ninh toàn cầu hiện nay. Vận dụng – Khẳng định được sự cần thiết phải bảo vệ hoà bình.												
3	Nền kinh tế tri thức 1.0 điểm)	– Trình bày được đặc điểm và các biểu hiện của nền kinh tế tri thức.										1		10.0
4	Mỹ La tinh (4.0 điểm)	Nhận biết – Trình bày được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực. – Trình bày được vấn đề đô thị hoá, một số vấn đề về dân cư, xã hội của khu vực. Thông hiểu – Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí và một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội. – Phân tích được ảnh hưởng của vấn đề đô thị hoá, vấn đề dân cư, xã hội của khu vực đến phát triển kinh tế – xã hội. Vận dụng – Phân tích được số liệu, tư liệu. – Phân tích được biểu đồ, rút ra nhận xét. – Giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực. – Trình bày được tình hình phát triển kinh tế Brasil và những vấn đề xã hội cần phải giải quyết.	5	1					2				1	40.0
Tổng số lệnh hỏi			12	3	1	4	2	2	0	3	1	0	1	1
Tổng số điểm			3.0	0.75	0.25	1.0	0,5	0.5		0.75	0.25		1.0	2.0
Tỉ lệ %			40%			20%			10%			30%		100%

MÔN ĐỊA LÝ 12

[illegible]

	tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường (2,5 điểm)	– Trình bày được sự suy giảm các loại tài nguyên thiên nhiên ở nước ta. Thông hiểu - Giải thích được sự suy giảm các loại tài nguyên thiên nhiên ở nước ta. – Chứng minh và giải thích được hiện trạng ô nhiễm môi trường ở Việt Nam. Vận dụng – Nêu được một số giải pháp sử dụng hợp lí TNTN ở nước ta. – Nêu được các giải pháp BVMT Việt Nam.	3	1	1	2	1	1		1					25,0
Tổng số lệnh hỏi			12	3	1	4	2	2	0	3	1	0	1	1	100 %
Tổng số điểm			3.0	0.75	0.25	1.0	0,5	0.5		0.75	0.25		1.0	2.0	
Tỉ lệ %			40%			20%			10%			30%			

LƯU Ý:

- Câu hỏi có gắn (*) là câu hỏi linh hoạt có thể thay đổi mức độ nhận thức giữa các chủ đề.
- Thông tin tư liệu, nội dung kiến thức và kĩ năng được sử dụng để kiểm tra không trùng nhau giữa các loại câu hỏi.
- Tên các quốc gia, địa danh nước ngoài ghi bằng Tiếng Anh (không dùng phiên âm Tiếng Việt)